TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 19 - 3 - 2019.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vi Quốc Thanh.

Ông Nguyễn Văn Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2018/TLST - HNGĐ, ngày 10/12/2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 08/3/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Chị Võ Thị Thu H, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 06/11/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày: Anh và chị Võ Thị Thu H kết hôn trên tinh thần tự nguyện, quen biết, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 10/10/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống

hạnh phúc khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, thường hay cự cãi, bất đồng quan điểm, đến năm 2018 thì ly thân cho đến nay. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị Võ Thị Thu H. Trong quá trình chung sống anh chị có một con chung tên Nguyễn Võ Huỳnh N, sinh ngày 13/9/2013 hiện nay đang sống chung với chị H, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con, nếu chị H nuôi con anh không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Võ Thị Thu H trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống giống như lời trình bày của anh T. Nay chị cũng đồng ý ly hôn với anh T. Con chung như anh T trình bày là đúng, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có.

Tại phiên tòa bà Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hữu T và chị Võ Thị Thu H, về con chung chị H trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Võ Huỳnh N, sinh ngày 13/9/2013 hiện nay đang sống chung với chị H, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu, về tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Hữu T và chị Võ Thị Thu H kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 10/10/2012, quá trình kết hôn tuân thủ đúng quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống đến năm 2018 thì ly hôn, tại phiên tòa anh chị đều nhìn nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và có nguyện vọng được ly hôn với nhau, Hội đồng xét xử xét thấy việc thuận tình ly hôn của anh chị là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống anh T và chị H có một con chung tên Nguyễn Võ Huỳnh N, sinh ngày 13/9/2013 hiện nay đang sống chung với chị H, khi ly hôn cả hai anh chị đều có nguyện vọng được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu N sống chung với chị H và chị H cũng đáp ứng được các điều kiện về vật chất cũng như tinh thần cho cháu N, do đó để bảo đảm sự ổn định trong cuộc sống và học tập của cháu N thiết nghĩ nên để cho chị H trực tiếp

nuôi con là phù hợp, do chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của chị nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị H trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ nộp án phí: Anh Nguyễn Hữu T phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Xét về quan điểm giải quyết vụ án mà bà Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Hữu T.

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hữu T và chị Võ Thị Thu H.

[2] Về con chung: Chị Võ Thị Thu H trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Võ Huỳnh N, sinh ngày 13/9/2013 hiện nay đang sống chug với chị H, anh Nguyễn Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Hữu T và chị Võ Thị Thu H trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ nộp án phí: Án phí ly hôn anh Nguyễn Hữu T phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre nên không còn phải nộp thêm.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[6] Về việc thi hành bản án khi có hiệu lực pháp luật: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre
(Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre
(ĐKKH số xxx, ngày 10/10/2012) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: HS, VT (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Thiện